

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn; con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Chí Công**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Thắng**; Ông **Bùi Xuân Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hương** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị V**, sinh năm 1983 (Có mặt);
 - Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1987 (Có mặt).
- Cùng địa chỉ: Khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2019, biên bản hòa giải ngày 21/3/2019, nguyên đơn chị Vũ Thị V trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Thanh N sống chung với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời (*Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 26/3/2007*), hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi với nhau, anh N hay đi nhậu về khuya và có hành vi đánh đập chị, chị và anh N đã không còn sống chung với nhau. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị V và anh N có 02 người con tên Nguyễn Vũ Khánh B, sinh ngày 08/02/2007 và cháu Nguyễn Vũ Khanh D, sinh ngày 27/6/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cương quyết ly hôn với anh N.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2019 bị đơn Nguyễn Thanh N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh không đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị V, lý do hiện anh vẫn còn thương vợ, thương con. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn không đúng như chị V trình bày, cụ thể cãi nhau thì có nhưng có thể hàn gắn lại được, anh yêu cầu Tòa án cho anh có thời gian để hàn gắn lại để cùng chị V nuôi các con phát triển nên người. Tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn với chị V.

- *Về con chung*: Đồng ý giao 02 con Nguyễn Vũ Khánh B, sinh ngày 08/02/2007 và cháu Nguyễn Vũ Khanh D, sinh ngày 27/6/2016 cho chị V nuôi dưỡng. Không đặc ra việc cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ*: Anh thống nhất trình bày của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N nên mối quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn; nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền của tòa án*: Anh N có nơi cư trú tại khóm 10, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc ly hôn; nuôi con chung nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị V và anh Nguyễn Thanh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị V và anh N phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung với nhau. Chị V cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên kiên quyết ly hôn với anh N.

Tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn với chị V. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị V và anh N có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ Khánh B, sinh ngày 08/02/2007 và cháu Nguyễn Vũ Khanh D, sinh ngày 27/6/2016. Hiện nay, các cháu đang sống chung với chị V và đang đi học, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Anh N cũng đồng ý giao 02 cháu Bằng và Duy cho chị V nuôi dưỡng,

Xét, con chung chị V và anh N đã thỏa thuận được với nhau và phù hợp với ước nguyện của cháu Bằng tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/3/2019.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Nguyễn Vũ Khánh B, sinh ngày 08/02/2007 và cháu Nguyễn Vũ Khanh D, sinh ngày 27/6/2016 cho chị V nuôi dưỡng. Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng*: Tại tòa, chị V không đặt ra yêu cầu anh N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ*: Chị V và anh N xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Buộc chị Vũ Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị V về việc ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Vũ Khánh B, sinh ngày 08/02/2007 và cháu Nguyễn Vũ Khanh D, sinh ngày 27/6/2016 cho chị Vũ Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị V phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 06/3/2019 chị V đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002801 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THA DS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công